

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

35

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin)
(22401701)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 29
Số bài thi:
Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Gi. Viên chấm thi 1

Gi. Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122110581	Phan Thanh Bình	05/01/2004	CCQ2211LA	01		7.9	50	62
2	2122110429	Nguyễn Thành Công	02/01/2004	CCQ2211LA	03		6.6	30	44
3	2122110430	Võ Thành Đạt	21/07/2004	CCQ2211LA	04		7.5	40	54
4	2122110428	Nguyễn Võ Tấn Dũng	06/12/2004	CCQ2211LA	03		8.3	46	61
5	2122110420	Nguyễn Trường Giang	22/04/2004	CCQ2211LA	04		7.3	52	60
6	2122110556	Trần Thanh Hải	02/11/2004	CCQ2211LA	03		9.3	70	79
7	2122110421	Lý Minh Hậu	13/01/2004	CCQ2211LA	04		7.9	35	53
8	2122110431	Trần Thị Hiền	06/01/2004	CCQ2211LA	01		8.8	52	66
9	2121110300	Phan Hiền	12/12/2003	CCQ2111LA	04		7.5	57	64
10	2121110257	Vũ Minh Hiếu	17/06/2003	CCQ2111LA	01		8.4	68	74
11	2121110041	Đinh Ngọc Hoàng	10/04/1997	CCQ2111LA	02		8.1	88	85
12	2122110435	Nguyễn Công Hoàng	20/03/2004	CCQ2211LA	01		5.2	25	36
13	2122110422	Huỳnh Quốc Huy	30/03/2004	CCQ2211LA			0.0		
14	2122040014	Nguyễn Quang Huy	04/02/2004	CCQ2211LA	01		7.4	52	61
15	2121110030	Trần Quốc Huy	30/05/2003	CCQ2111LA	02		8.0	61	69
16	2122110424	Lê Tấn Xuân Khang	10/03/2004	CCQ2211LA	02		7.5	69	71
17	2122110415	Dương Công Long	02/02/2004	CCQ2211LA	03		7.4	76	75
18	2122110432	Hồ Trung Nhật	02/06/2004	CCQ2211LA	01		5.3	41	46
19	2121110306	Trần Minh Phát	03/09/2003	CCQ2111LA	02		8.4	78	80
20	2122110417	Nguyễn Ngọc Phi	20/03/2004	CCQ2211LA	01		8.4	54	66
21	2122110418	Võ Thị Huỳnh Phương	02/01/2004	CCQ2211LA	02		7.5	48	59
22	2122110423	Hoàng Công Sơn	05/09/2004	CCQ2211LA	01		6.0	39	47
23	2122110427	Nguyễn Long Thịnh	19/02/1994	CCQ2211LA	02		8.1	54	65
24	2122110426	Nguyễn Phú Thịnh	22/04/2004	CCQ2211LA	03		7.6	40	54
25	2122110425	Võ Trần Quốc Toàn	25/10/2004	CCQ2211LA	04		7.1	41	53
26	2122110419	Nguyễn Minh Trí	23/09/2004	CCQ2211LA	03		7.5	65	69
27	2121110078	Cao Xuân Tùng	04/10/2003	CCQ2111LA	04		8.3	59	69
28	2121110125	Nguyễn Thế Vinh	04/10/2003	CCQ2111LA	03		8.1	61	69

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin)
(22401701)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A302

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

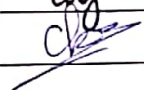
Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2121110056	Phạm Thị Phương Vy	02/11/2001	CCQ2111LA	04		8.7	65	74
30	2122110433	Phạm Quốc Chí	31/10/2004	CCQ2211LA	02		6.3	31	44

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Tuấn

36

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin)
(22401703)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122110482	Đặng Nữ Kim	20/07/2004	CCQ2211L	03		6.9	54	60
2	2122110399	Lê Thị Linh	30/08/2004	CCQ2211K	04		7.3	39	53
3	2120220002	Vũ Công	07/12/2002	CCQ2022A	01		7.6	68	71
4	2120110110	Nguyễn Hoàng Anh	22/11/2002	CCQ2011D	02		5.4	60	58
5	2122110167	Hoàng Trương Mạnh	17/07/2004	CCQ2211E	03		6.1	57	58
6	2118110178	Võ Sĩ	18/09/2000	CCQ1811C	04		4.1	52	48
7	2122170344	Mai Thành	21/02/2004	CCQ2211L	02		4.9	28	36
8	2120110248	Nguyễn Đình	11/06/2002	CCQ2011H	01		7.4	55	63
9	2121110201	Nguyễn Quốc	11/03/2003	CCQ2111F			0.0	Cấm thi	
10	2122110397	Phạm Minh	08/07/2003	CCQ2211K	04		6.0	50	54
11	2122110512	Trần Văn	29/02/2004	CCQ2211L	06		6.5	35	46
12	2122220003	Hồ Ngọc	08/02/2004	CCQ2211K	01		7.4	65	69
13	2122110018	Nguyễn Thị Thùy	01/01/2004	CCQ2211A	02		5.9	70	66
14	2122110456	Nguyễn Tạ Đình	11/11/2004	CCQ2211K	03		9.9	99	99
15	2120110283	Võ	03/10/2002	CCQ2011H			0.0	Cấm thi	
16	2122110480	Trần Thị Mỹ	06/05/2004	CCQ2211L	04		8.2	65	72
17	2121110164	Hoàng Thu	14/12/2003	CCQ2111E	01		7.0	48	57
18	2120170052	Nguyễn Vũ	28/11/2002	CCQ2011J	02		6.9	23	41
19	2120220013	Nguyễn Văn	20/02/2001	CCQ2022A			0.0	Cấm thi	
20	2120260256	Nguyễn Văn	10/05/2002	CCQ2011D	03		5.8	44	50
21	2121110175	Lê Minh	08/12/2003	CCQ2111E	04		6.2	47	53
22	2121110064	Đoàn Minh	20/10/2003	CCQ2111B	01		8.2	1256	60
23	2122110513	Nguyễn Tuấn	04/04/2004	CCQ2211L	02		8.4	92	89
24	2122110331	Nguyễn Gia	26/05/2004	CCQ2211I	03		5.6	72	66
25	2122170407	Nguyễn Ngọc Trường	05/08/2004	CCQ2211L	04		9.3	96	95
26	2122110384	Phạm Thanh	19/11/2004	CCQ2211J	01		6.3	81	74
27	2122110514	Hoàng Văn	21/07/2004	CCQ2211L			0.0	Cấm thi	
28	2121110180	Võ Vũ Quốc	02/09/2003	CCQ2111F			0.0	Cấm thi	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Tuấn

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G. Viên chấm thi 1 G. Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin)
(22401703)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 29
Số bài thi: 29
Số tờ giấy thi: 29

(Signatures of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
29	2122110454	Đoàn Tuấn	Kiệt	02/07/2004	CCQ2211J	02	<i>(Signature)</i>	5.6	55	55
30	2122110371	Nguyễn Nam Trung	Kỳ	27/08/2004	CCQ2211J			0.0	Cấm thi	
31	2122110481	Nguyễn Văn	Lai	04/10/2004	CCQ2211L	03	<i>(Signature)</i>	6.4	52	57
32	2122110509	Nguyễn Đình	Lâm	02/11/2003	CCQ2211K	04	<i>(Signature)</i>	9.8	89	93
33	2122110486	Ngô Phương	Linh	17/10/2004	CCQ2211L	01	<i>(Signature)</i>	5.5	68	63
34	2120110318	Nguyễn Hồ Hoài	Linh	12/10/2000	CCQ2011J	02	<i>(Signature)</i>	6.4	34	46
35	2122110173	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	30/07/2004	CCQ2211E	03	<i>(Signature)</i>	6.5	69	67

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Tuấn

37

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin)
(22401703)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 26

Số bài thi:26

Số tờ giấy thi: 26.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122110479	Nguyễn Thái Duy	Luân	30/05/2004	CCQ2211L	03		7.0	47	56
2	2120110151	Vòng Bảo	Minh	28/11/2000	CCQ2011E	02		6.1	44	51
3	2121110379	Lê Thị Phương	Nghi	14/06/2003	CCQ2111C	01		5.1	36	42
4	2122110405	Ngô Kỳ	Nguyên	17/01/2004	CCQ2211K	04		7.7	53	63
5	2122110413	Nguyễn Ngọc Phương	Nguyên	17/06/2004	CCQ2211K	03		7.9	71	74
6	2122150050	Nguyễn Trần Khôi	Nguyên	12/01/2001	CCQ2211L	02		8.0	83	82
7	2122110396	Nguyễn Minh	Nhật	07/02/2004	CCQ2211K	01		7.5	72	73
8	2122110185	Nguyễn Bảo	Nhi	15/01/2004	CCQ2211E	04		6.2	48	54
9	2122260120	Phan Vĩnh	Phú	09/07/2004	CCQ2211L			0.0	Cấm thi	
10	2122110031	Đào Văn	Phương	01/05/1996	CCQ2211A	03		6.6	62	64
11	2122110515	Nguyễn Thanh	Phương	04/04/2004	CCQ2211L	02		8.3	70	75
12	2122110006	Nguyễn Anh	Quân	06/12/2003	CCQ2211A	03		6.2	61	61
13	2122110187	Nguyễn Tiết Xuân	Quý	11/11/2003	CCQ2211E	04		7.8	76	77
14	2120110198	Trần Thị Diễm	Quyên	02/11/2002	CCQ2011F			0.0	Cấm thi	
15	2120110023	Hồ Minh	Sang	31/05/2002	CCQ2011A	01		6.9	41	52
16	2122110474	Hoàng Quốc Thành	Tâm	25/01/2004	CCQ2211L	02		6.9	68	68
17	2121110067	Võ Duy	Tân	31/03/2003	CCQ2111B	03		6.0	44	50
18	2122110516	Lê Đình	Thắng	21/06/2004	CCQ2211L	02		5.8	47	51
19	2122110511	Võ Minh	Thành	22/01/2000	CCQ2211K	01		10.0	84	90
20	2122110246	Trần	Thức	22/02/2003	CCQ2211G	02		7.1	56	62
21	2122110168	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	20/06/2004	CCQ2211E	02		8.1	85	83
22	2119110093	Đào Văn	Tĩnh	26/02/2001	CCQ1911C			0.0	Cấm thi	
23	2122110404	Huỳnh Văn	Toàn	22/06/2004	CCQ2211K			0.0	Cấm thi	
24	2122110017	Hồ Ngọc Minh	Trí	25/11/2004	CCQ2211A	03		5.7	45	50
25	2122110508	Phạm Minh	Trí	21/11/2004	CCQ2211K			0.0	Cấm thi	
26	2122110171	Thập Nữ Thanh	Trúc	13/08/2004	CCQ2211E	04		6.3	34	46
27	2119110030	Phan Nguyễn Quốc	Trung	20/02/2001	CCQ1911A			0.0	Cấm thi	
28	2122110386	Đàm Quốc	Tuấn	17/06/2004	CCQ2211J			0.0	Cấm thi	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

T. Tuấn

Môn học: Anh văn chuyên ngành (Tin)
(22401703)

Ngày thi: 10/11/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: A305

Số SV có mặt: 26

Số bài thi:26...

Số tờ giấy thi: 26

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122110476	Vũ Văn Tùng	22/08/2004	CCQ2211L	01		7.0	54	60
30	2122110510	Đặng Thị Bích Vàng	20/10/2002	CCQ2211K	02		8.2	69	74
31	2122110485	Nguyễn Đại Vệ	28/10/2002	CCQ2211L			0.0	Cấm thi	
32	2120110330	Đỗ Nguyễn Thành Việt	27/10/2002	CCQ2011A	03		8.1	55	65
33	2122110466	Bùi Hoàng Vũ	09/07/2004	CCQ2211L			0.0	Cấm thi	
34	2122110410	Trương Đức Vũ	15/06/2004	CCQ2211K	04		7.0	52	59
35	2122110457	Đinh Hồ Kim Xuyên	29/08/2004	CCQ2211K	01		5.8	49	53